

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 660/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 27- 09 -2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

****/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Ông Nguyễn Ron

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- *Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 566/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 8/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Ái P, sinh năm 1984

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: số 51 đường T, TP. Q, tỉnh Bình Định

(Chị P, anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Ái P trình bày: Chị và anh T kết hôn ngày 19/12/2008 tại UBND phường N, TP. Q, tỉnh Bình Định trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rượu chè và đam mê cờ bạc, vay nặng lãi ở bên ngoài. Gia đình và chị đã phải nhiều lần trả nợ thay cho anh T. Chị đã cố gắng khuyên nhủ để anh T suy nghĩ lại để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Tháng 11/2020, chị có làm đơn xin ly hôn nhưng anh T hứa sẽ sửa đổi, vì thương các con và không muốn gia đình đổ vỡ nên chị rút đơn cho anh T có cơ hội sửa đổi nhưng từ đó đến nay, anh T vẫn không thay đổi. Gần 1 năm nay chị và anh T đã sống ly thân, giữa chị và anh T đã phai nhạt tình cảm, không có sự chia sẻ, quan tâm nhau trong cuộc sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc B, sinh ngày 31/7/2010 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/02/2017, sức khỏe các cháu bình thường, hiện các cháu đang sống với chị; Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và cháu K, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chị P đã trình bày. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh tiêu sài, nhậu nhẹt gây nên nợ nần. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần. Nay chị P xin ly hôn anh không đồng ý vì nghĩ đến hai con, sợ ảnh hưởng đến cuộc sống của hai con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc B, sinh ngày 31/7/2010 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/02/2017. Nếu ly hôn anh thống nhất giao 02 cháu B và K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Q:**

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: chị P, anh T đã thỏa thuận giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị P và anh T kết hôn ngày 19/12/2008 tại UBND phường N, TP. Q, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung của chị P đối với anh T và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Hiện anh T đang cư trú tại số 51 đường T, TP. Q, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị P, anh T vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt chị P, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn. Theo chị P trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T đam mê cờ bạc, rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ tháng 11/2020 cho đến nay giữa anh T và chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên xin được ly hôn với anh T. Anh T thừa nhận do anh ham mê cờ bạc, gây nợ nần và thiếu quan tâm, chăm sóc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của các con.

Tòa án đã cố gắng hoà giải, động viên nhằm hàn gắn hạnh phúc cho chị P, anh T nhưng không thành. Anh T xin được đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân hiện tại. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, tôn trọng và chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng qua lời trình bày của các bên thì giữa chị P và anh T đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị P và anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc B, sinh ngày 31/7/2010 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/02/2017. Nếu ly hôn anh chị cùng thống nhất giao 02 cháu B và K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị P và anh T thống nhất thỏa thuận anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/2 cháu phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Ái P được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T.

2. **Về nuôi con chung:** Giao **cháu** Nguyễn Hoàng Ngọc B, sinh ngày 31/7/2010 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/02/2017 cho chị Lê Ái P **trực tiếp nuôi dưỡng**.

- **Việc cấp dưỡng nuôi con:** Anh Nguyễn Hoàng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Hoàng Ngọc B, Nguyễn Hoàng K **mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi cháu kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi cháu B và cháu K thành niên**.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung:** Chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Chị P phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002798 ngày 29/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q. Chị P đã nộp đủ án phí. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo: Chị P, anh T vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Minh Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ron - Nguyễn Cảnh Liêm

Trần Thị Minh Hoà

